

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHONG
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Bản án số: **24/2021/HNGĐ - ST**

Ngày: 27/7/2021

V/v: “*Ly hôn, nuôi con chung*”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG, TỈNH BÌNH THUẬN**

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu Trang

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Hưng Quang

2. Bà Nguyễn Thị Bích Lam

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong tham gia phiên
tòa:** Bà Nguyễn Thị Hoa - Kiểm sát viên.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Đắc Quốc Tuấn - Cán bộ
Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong.

Ngày 27 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 467/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2020 về việc: “*Ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2021/QĐST- HNGĐ, ngày 01 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Ngọc G**, sinh năm 1988

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Ấp S, xã K, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Địa chỉ tạm trú: số nhà 07, thôn P, xã J, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.

2/ Bị đơn: Ông **Lê Văn L**, sinh năm 1987

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: khu phố S, thị trấn R, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.

Có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình điều tra thu thập chứng cứ và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc G trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: bà và Lê Văn L tự nguyện sống chung với nhau vào năm 2009, đến năm 2010 mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận kết hôn, số: 02/2010, quyền số 01, ngày 13/01/2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà về nhà cha mẹ ruột bà tại Ấp Sơn Hiệp, xã An Bình, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang sinh sống. Đến năm 2016, vợ chồng bà về sinh sống tại thôn P, xã J, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận (lúc này ông Lê Văn L có hộ khẩu thường trú tại khu phố S, thị trấn R, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận).

Trong thời gian sống chung vợ chồng Ph sinh mâu thuẫn vào đầu năm 2018 nguyên nhân do ông L không lo làm ăn, có tính cờ bạc, đến tháng 6 năm 2018 thì ông L bỏ đi làm ăn tại thành phố Hồ Chí Minh cho đến nay, khoảng 5 – 6 tháng mới về thăm con một lần.

Khi nộp đơn ly hôn với ông Lê Văn L, bà có liên hệ với ông L đến Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong để giải quyết nhưng ông L lẩn tránh, không chịu đến Tòa án làm việc.

Nay bà xác định vợ chồng không còn tình cảm nên yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Văn L.

Về con chung: bà và ông L có 02 con chung tên Lê Ngọc Kim Ng, sinh ngày 04/12/2009 và Lê Minh Ph, sinh ngày 18/10/2016; hiện nay các con đang được bà chăm sóc, nuôi dưỡng nên bà xin được tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục các con cho đến khi trưởng thành và bà không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Lê Văn L:

Từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến ngày xét xử, Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi có hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: khu phố S, thị trấn R, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận theo đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật đã quy định nhưng ông L vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ kiện ly hôn, tại phiên tòa hôm nay ông L tiếp tục vắng mặt không rõ lý do.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong Ph biểu ý kiến về việc kiểm sát tuân theo pháp luật: các bước của quá trình chuẩn bị xét xử, việc thu thập chứng cứ và trình tự thủ tục tại phiên tòa của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được ly hôn của bà Nguyễn Ngọc G đối với ông Lê Văn L.

Về con chung: Giao các con Lê Ngọc Kim Ng, sinh ngày 04/12/2009 và Lê Minh Ph, sinh ngày 18/10/2016 cho bà Nguyễn Ngọc G tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi trưởng thành; bà G không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con. Bà G không được ngăn cản ông L việc chăm sóc và giáo dục con chung.

Về tài sản và nợ chung: đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa cũng như căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Lê Văn L, sinh năm 1987 có hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: khu phố S, thị trấn R, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận và yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Ngọc G thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án đã triệu tập và tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho bị đơn ông Lê Văn L nhưng tại phiên tòa hôm nay, ông L vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử (HĐXX) áp dụng điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc G, HĐXX nhận thấy: quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Ngọc G và ông Lê Văn L được xác lập trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phan Rí Thành, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận kết hôn, số: 02/2010, quyển số 01, ngày 13/01/2010 nên là hôn nhân hợp pháp, bà G có đơn xin ly hôn nên áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, lời trình bày của bà Nguyễn Ngọc G cho thấy đời sống chung của bà G, ông L không hạnh phúc do ông L không lo làm ăn, có tính cờ bạc, điều đó chứng tỏ ông L đã không quan tâm đến tình trạng hôn nhân, vi phạm về nghĩa vụ sống chung của vợ chồng theo Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

HĐXX xét thấy, mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa hai đương sự đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[3] Về con chung: bà và ông L có 02 con chung là Lê Ngọc Kim Ng, sinh ngày 04/12/2009 và Lê Minh Ph, sinh ngày 18/10/2016; hiện nay cháu Ng, cháu Ph đang ở với bà, bà yêu cầu tiếp tục nuôi con, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

HĐXX xét thấy các cháu Ng, cháu Ph ở với bà G từ khi vợ chồng bà không còn sống chung từ tháng 6 năm 2018 cho đến nay, bà G đã nuôi dưỡng và giáo dục

các con đảm bảo các điều kiện Ph triển, hơn nữa nguyện vọng của cháu Ng xin được tiếp tục sống cùng mẹ nên giao cháu Ng, cháu Ph cho bà G tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục các con cho đến khi trưởng thành là phù hợp; bà G không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản và nợ chung: bà Nguyễn Ngọc G không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét .

[5] Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc G phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo luật định về việc giải quyết ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146 và khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

- Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

2/ Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn

- Về hôn nhân: bà Nguyễn Ngọc G được ly hôn ông Lê Văn L.

- Về con chung: Giao các con Lê Ngọc Kim Ng, sinh ngày 04/12/2009 và Lê Minh Ph, sinh ngày 18/10/2016 cho bà Nguyễn Ngọc G tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi trưởng thành.

Bà G không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Bà G không được ngăn cản ông L việc chăm sóc và giáo dục con chung.

- Về tài sản và nợ chung: đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Bà Nguyễn Ngọc G phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, bà G đã nộp tại biên lai thu số: 0009206, ngày 02/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phong, bà Nguyễn Ngọc G đã nộp đủ án phí.

Quyền kháng cáo của bà Nguyễn Ngọc G là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (27/7/2021), ông Lê Văn L là 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND (Tỉnh - Huyện);
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- Chi cục THADS huyện Tuy Phong;
- UBND TT. Liên Hương;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Thị Thu Trang